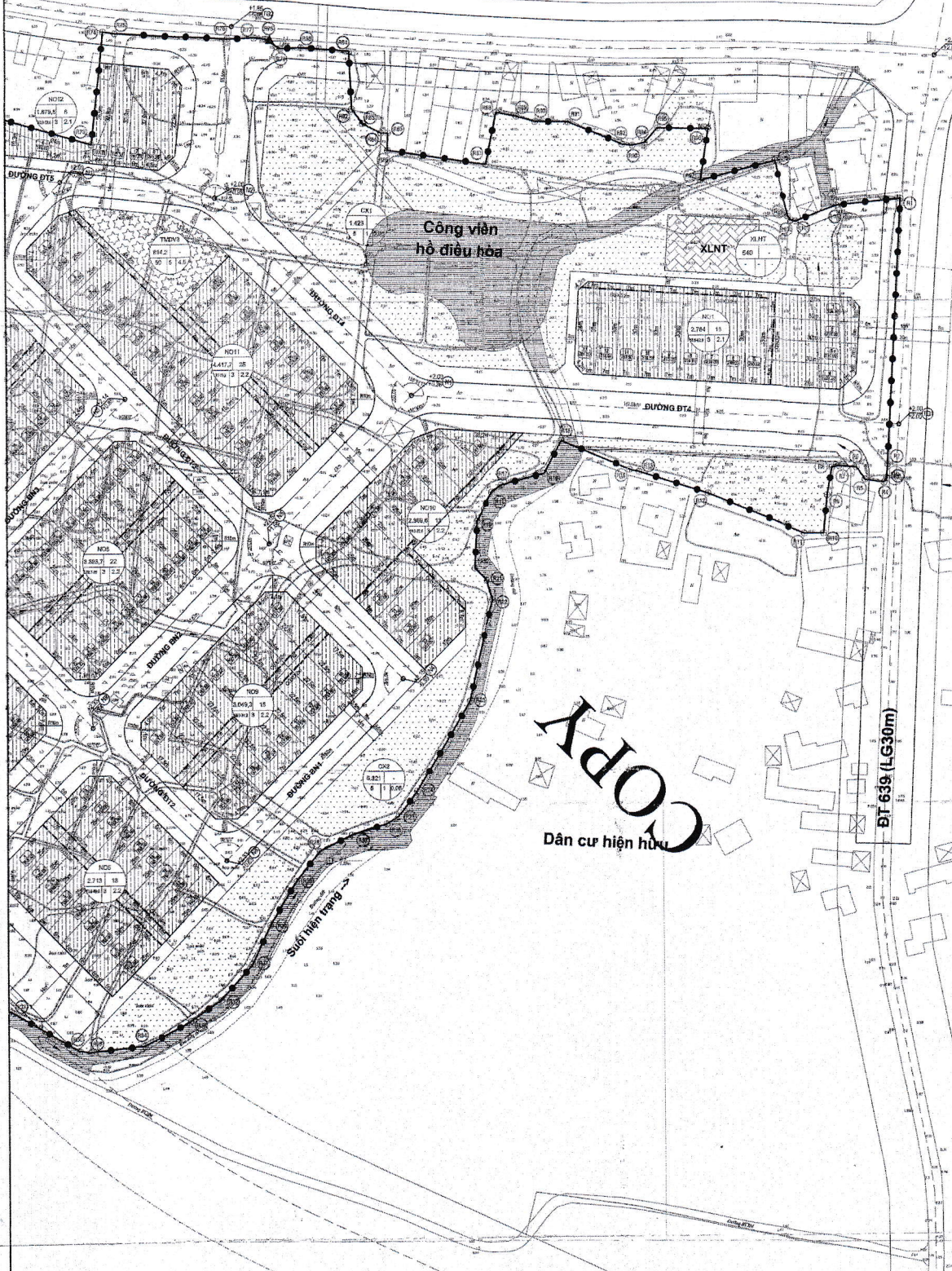




067 170000	069 180000	2015	070 190000	071 200000	072 210000
068 171000	069 181000	2016	070 191000	071 201000	072 211000
069 172000	070 182000	2017	071 192000	072 202000	073 212000
069 173000	070 183000	2018	071 193000	072 203000	073 213000
069 174000	070 184000	2019	071 194000	072 204000	073 214000
069 175000	070 185000	2020	071 195000	072 205000	073 215000
069 176000	070 186000	2021	071 196000	072 206000	073 216000
069 177000	070 187000	2022	071 197000	072 207000	073 217000
069 178000	070 188000	2023	071 198000	072 208000	073 218000
069 179000	070 189000	2024	071 199000	072 209000	073 219000
069 180000	070 190000	2025	071 200000	072 210000	073 220000
069 181000	070 191000	2026	071 201000	072 211000	073 221000
069 182000	070 192000	2027	071 202000	072 212000	073 222000
069 183000	070 193000	2028	071 203000	072 213000	073 223000
069 184000	070 194000	2029	071 204000	072 214000	073 224000
069 185000	070 195000	2030	071 205000	072 215000	073 225000
069 186000	070 196000	2031	071 206000	072 216000	073 226000
069 187000	070 197000	2032	071 207000	072 217000	073 227000
069 188000	070 198000	2033	071 208000	072 218000	073 228000
069 189000	070 199000	2034	071 209000	072 219000	073 229000
069 190000	070 200000	2035	071 210000	072 220000	073 230000
069 191000	070 201000	2036	071 211000	072 221000	073 231000
069 192000	070 202000	2037	071 212000	072 222000	073 232000
069 193000	070 203000	2038	071 213000	072 223000	073 233000
069 194000	070 204000	2039	071 214000	072 224000	073 234000
069 195000	070 205000	2040	071 215000	072 225000	073 235000
069 196000	070 206000	2041	071 216000	072 226000	073 236000
069 197000	070 207000	2042	071 217000	072 227000	073 237000
069 198000	070 208000	2043	071 218000	072 228000	073 238000
069 199000	070 209000	2044	071 219000	072 229000	073 239000
069 200000	070 210000	2045	071 220000	072 230000	073 240000
069 201000	070 211000	2046	071 221000	072 231000	073 241000
069 202000	070 212000	2047	071 222000	072 232000	073 242000
069 203000	070 213000	2048	071 223000	072 233000	073 243000
069 204000	070 214000	2049	071 224000	072 234000	073 244000
069 205000	070 215000	2050	071 225000	072 235000	073 245000
069 206000	070 216000	2051	071 226000	072 236000	073 246000
069 207000	070 217000	2052	071 227000	072 237000	073 247000
069 208000	070 218000	2053	071 228000	072 238000	073 248000
069 209000	070 219000	2054	071 229000	072 239000	073 249000
069 210000	070 220000	2055	071 230000	072 240000	073 250000
069 211000	070 221000	2056	071 231000	072 241000	073 251000
069 212000	070 222000	2057	071 232000	072 242000	073 252000
069 213000	070 223000	2058	071 233000	072 243000	073 253000
069 214000	070 224000	2059	071 234000	072 244000	073 254000
069 215000	070 225000	2060	071 235000	072 245000	073 255000



COPY
Dân cư hiện hữu

TỶ LỆ XÍCH: 1:200

KÝ HIỆU:

- NO: BẮT ĐẦU PHÂN LỘ
- SHDC: BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
- TMDV: BẮT ĐẦU THƯỜNG MỤC DỊCH VỤ
- CK: BẮT ĐẦU XÂY DỰNG
- PI: BẮT ĐẦU XÂY DỰNG
- CH: BẮT ĐẦU XÂY DỰNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ CÁT

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN PHÚ CÁT

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÁI KHÁNH

CÔNG TRÌNH - DẠ ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN XÃ CÁI KHÁNH NĂM 2020 (ĐIỂM SỐ 2)

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: CHẾ BẢN: 01/2020

THỰC HIỆN: KTS. TRẦN LUY LUY

THIẾT KẾ: KTS. TÔN THÁI VINH

CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN XUÂN KÝ

QU. KỸ THUẬT: KTS. HÀ HỒNG VIỆT

GIÁM ĐỐC:

THS. KTS. LÊ THANH LUY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XD & MT NAM PHƯƠNG
TRụ sở: 84/27 TÂY CẤN, P. QUANG THƯỜNG, TP. QUẢNG TRUNG, TP. QUẢNG NAM, LÃNH ĐỈNH
VĂN PHÒNG: 10/10 TÂY CẤN, P. QUANG THƯỜNG, TP. QUẢNG NAM, LÃNH ĐỈNH
BẢN PHƯƠNG: 10/10 TÂY CẤN, P. QUANG THƯỜNG, TP. QUẢNG NAM, LÃNH ĐỈNH

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI QUY HOẠCH ĐIỂM SỐ 2				
TT	Loại đất	Kí hiệu trên bản vẽ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng diện tích đất quy hoạch		130.821,9	100
2	Đất Trường mìn non QH mới	MN	2.978,3	2,29
3	Đất Sinh hoạt dân cư	SHDC	527,5	0,40
4	Đất Thương mại, dịch vụ		6.790,8	5,22
	- Khu Thương mại, dịch vụ 01	TMDV1	2.409,8	
	- Khu Thương mại, dịch vụ 02	TMDV2	3.566,5	
	- Khu Thương mại, dịch vụ 03	TMDV3	814,2	
5	Đất ở quy hoạch mới	NO	48.472,4	31,13
6	Đất cây xanh mặt nước		24.756,2	19,04
	- Cây xanh công viên hồ điều hòa	CX1	9.562,0	
	- Công viên cây xanh + nương nước	CX2	5.321,0	
	- Cây xanh nương nước	CX3	2.418,0	
	- Cây xanh nương nước	CX4	777,8	
	- Cây xanh nương nước	CX5	2.836,2	
	- Công viên cây xanh	CX6	1.108,0	
	- Công viên cây xanh	CX7	1.147,5	
	- Công viên cây xanh	CX8	500,0	
	- Công viên cây xanh	CX9	593,7	
	- Cây xanh nương nước	CX10	492,0	
7	Đất khu xử lý nước thải sinh hoạt	XLNT	54,0	0,42
8	Đất giao thông		53.957,0	41,50

THUYẾT MINH CHUNG
Tổng số lô đất ở quy hoạch: 249 lô
Trung tâm:
• Lô có diện tích lớn nhất: 207,23m²
• Lô có diện tích nhỏ nhất: 145,50m²
Dân số: 996 người (249 hộ x 4 người/hộ)
Số học sinh các cấp dự đoán theo tiêu chuẩn dân số:
• Số trẻ mầm non: 50 học (50 học/1000 dân)
• Số HS tiểu học: 65 học (65 học/1000 dân)
• Số HS THCS: 55 học (55 học/1000 dân)
• Số HS THPT: 40 học (40 học/1000 dân)
Chỉ tiêu đất cây xanh, mặt nước: 24,756/ha (Đất cây xanh: 24.756/ha
và tổng dân số dự kiến 996 người)